

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **439**/UBND - LĐT&XH
V/v thực hiện chế độ thông tin,
báo cáo công tác phòng, chống
tệ nạn xã hội

Hoàng Mai, ngày **06** tháng 3 năm 2018

Kính gửi: Chủ tịch UBND các phường trên địa bàn.

Thực hiện Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 06/02/2018 của UBND thành phố Hà Nội về công tác phòng, chống mại dâm trên địa bàn Thành phố năm 2018 và Kế hoạch số 66/ KH-UBND ngày 06/02/2018 của UBND quận Hoàng Mai về phòng, chống tệ nạn mại dâm trên địa quận Hoàng Mai năm 2018.

UBND quận Hoàng Mai yêu cầu Chủ tịch UBND các phường chỉ đạo Công an phường phối hợp với công chức văn hóa – xã hội tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn xã hội định kỳ và đột xuất về phòng Lao động Thương binh và Xã hội theo biểu mẫu gửi kèm.

Báo cáo định kỳ gửi trước ngày 13 hàng tháng, báo cáo quý gửi vào ngày 13 tháng cuối quý, báo cáo công tác năm gửi trước ngày 13/11 hàng năm.

Nhận được Công văn này yêu cầu Chủ tịch UBND các phường nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên; để t/h
- Chủ tịch UBND Quận; để b/c
- PCT Trần Quý Thái; để theo dõi
- Phòng LĐT&XH, | để
Công an quận; | p/h
- Công TTĐT Quận;
- Lưu: VT, LĐT&XH (3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Quý Thái

SỐ: /BC-UBND

Hoàng Mai, ngàytháng năm 2017

BÁO CÁO
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY, MẠI DÂM
(*Từ ngày đến năm 2017*)

I. TÌNH HÌNH TỆ NẠN MA TÚY, MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN.

Tình hình tệ nạn ma túy trên địa bàn

II. CÔNG TÁC THAM MƯU, PHỐI HỢP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đội kiểm tra liên ngành 178 trong tháng tiến hành kiểm tra

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

TT	Nội dung	Kết quả		Ghi chú
		Số trong tháng/ quý/ năm	Số tích lũy trong tháng/quý/năm (là số mang sang của tháng/quý/năm liền kề trước đó trong năm và số phát sinh trong kỳ)	
1	Công tác tuyên truyền			
	- Trên các phương tiện thông tin			
	+ Tin, bài			
	+ Thời lượng phát sóng (phút)			
	- Tổ chức tập huấn (buổi)			
	+ Số người được tập huấn			
	- Toạ đàm, nói chuyện chuyên đề (buổi)			
	- Số pano, áp phích... đã treo			
2	Công tác cai nghiện và quản lý sau cai			
2.1	Công tác cai nghiện ma túy theo Nghị định 94/2010/NĐ-CP			
	- Số người cai nghiện tự nguyện tại gia đình			
	- Số người cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng			
	- Số người cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng			

	- Số người miễn hoặc hoãn chấp hành quyết định cai nghiện tại gia đình, cộng đồng			
	- Số người chấp hành xong quyết định cai nghiện tại gia đình, cộng đồng			
	- Số người được hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm			
	- Số tiền hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm			
2.2	<i>Công tác giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy)</i>			
	- Số đối tượng đưa vào GD tại xã, phường, thị trấn			
	- Số đối tượng chấp hành xong quyết định ADBP GD tại xã, phường, thị trấn			
	- Số đối tượng bị chấm dứt quyết định ADBP GD tại xã, phường, thị trấn và đề nghị ADBP đưa vào cơ sở CNBB			
2.3	<i>Kết quả đưa đối tượng nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào Trung tâm lưu trú</i>			
	- Số đối tượng đã đưa vào Trung tâm lưu trú			
	- Số được TAND ra quyết định đưa vào cơ sở CNBB			
	- Số đối tượng xác định được nơi cư trú trả về địa phương			
	- Số đối tượng không xác định được tình trạng nghiện trả về địa phương			
	- Số đối tượng trả về địa phương vì các lý do khác (<i>ghi cụ thể lý do trả về: có thai, không đủ tuổi, không hoàn thiện được hồ sơ...</i>)			
2.4	<i>Kết quả vận động người đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm</i>			
	- Tổng số đối tượng vào CNTN tại các Trung tâm. Trong đó:			
	+ Số CNTN theo Đề án			
	+ Số CNTN không theo Đề án			
	- Số đối tượng hết thời gian CNTN về địa phương			
2.5	<i>Kết quả thực hiện chỉ tiêu cai nghiện bắt buộc</i>			
	- Tổng số quyết định CNBB do TAND ban hành			
	- Số đối tượng đã đưa vào cơ sở CNBB. Trong đó:			
	+ Đưa đi từ cộng đồng			
	+ Chuyển từ Trung tâm lưu trú			
	- Tổng số chưa thi hành quyết định. Trong đó:			
	+ Số tạm hoãn thi hành			
	+ Số chưa thi hành			
	+ Số bỏ trốn khỏi nơi cư trú			
	+ Khác (<i>nêu rõ lý do</i>)			

2.6	<i>Công tác quản lý sau cai theo Nghị định 94/2009/NĐ-CP:</i>			
	- Số Quyết định QLSC ban hành trong kỳ. Trong đó:			
	+ Quyết định quản lý sau cai tại Trung tâm			
	+ Quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú			
	- Số đối tượng đang quản lý sau cai tại nơi cư trú			
	- Số được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thời gian QLSC tại nơi cư trú			
	- Số người được hỗ trợ tạo việc làm			
	Trong đó: + Do gia đình			
	+ Từ các cơ quan, đoàn thể khác			
	+ Số tiền hỗ trợ tạo việc làm			
	- Hỗ trợ dạy nghề			
	Trong đó: + Số người được dạy nghề			
	+ Tổng số tiền hỗ trợ dạy nghề			
	- Số người được giảm, thời hạn chấp hành QĐ			
	- Số người được miễn chấp hành QĐ			
	- Số người được hoãn chấp hành quyết định			
	- Số người tạm đình chỉ chấp hành QĐ			
	- Số được các đoàn thể phân công giúp đỡ			
	Trong đó: + Hội cựu chiến binh			
	+ Hội phụ nữ			
	+ Tổ chức đoàn thể khác...			
2.7	<i>Hoạt động của CLB B93</i>			
	- Tổng số CLB trên địa bàn			
	- Số buổi sinh hoạt trong tháng			
	- Số hội viên theo danh sách quản lý			
	- Số hội viên thường xuyên tham gia sinh hoạt.			
	- Số hội viên được hỗ trợ tạo việc làm			
	- Số buổi gia đình cùng tham gia sinh hoạt			
	- Số buổi cùng tham dự sinh hoạt của cán bộ phòng LDBXH			
2.8	<i>Số đối tượng được đưa ra khỏi danh sách quản lý của địa phương theo Hướng dẫn số 1257 của Sở LDTBXH</i>			

	- Tổng số đối tượng đến kỳ đánh giá			
	Trong đó: + Số được đưa ra khỏi danh sách			
	+ Số tái nghiện			
	+ Số chưa loại khỏi danh sách			
3	Công tác phòng, chống mại dâm			
3.1	Tình hình tệ nạn mại dâm			
	- Số xã, phường, thị trấn có tệ nạn mại dâm			
	- Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn mại dâm			
	- Số điểm/tụ điểm phức tạp về tệ nạn mại dâm. Trong đó:			
	+ Tại địa bàn công cộng (ghi rõ tên điểm, tụ điểm)			
	+ Trong cơ sở kinh doanh dịch vụ (ghi rõ tên điểm, tụ điểm)			
	- Số điểm/tụ điểm phức tạp về tệ nạn mại dâm mới phát sinh trong kỳ. Trong đó:			
	+ Tại địa bàn công cộng (ghi rõ tên điểm, tụ điểm)			
	+ Trong cơ sở kinh doanh dịch vụ (ghi rõ tên điểm, tụ điểm)			
	- Số điểm/tụ điểm nghi (có biểu hiện) hoạt động mại dâm			
	+ Tại địa bàn công cộng (ghi rõ tên điểm, tụ điểm)			
	+ Trong cơ sở kinh doanh dịch vụ (ghi rõ tên điểm, tụ điểm)			
	- Tổng số người bán dâm có hồ sơ quản lý (tách riêng Nam, Nữ)			
	- Số GBD hoàn lương có mặt tại địa bàn			
	- Tổng số cơ sở KDDV dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm. Trong đó:			
	+ Cafe nhảy cảm			
	+ Karaoke			
	+ Cắt tóc gội đầu thư giãn			
	+ Massage			
	+ Bar			
	+ Vũ trường, CLB khiêu vũ			
	+ Khách sạn			
	+ Nhà nghỉ			
	+ Xoa bóp, tắm quất, bấm huyệt, massage			
	+ Tắm nóng lạnh			
	+ Khác ...			

	- Số lao động, nhân viên, tiếp viên			
	- Số lượt/buổi quét vết mại dâm tại địa bàn công cộng			
	- Số đối tượng bị xử lý			
	Trong đó: + Xử lý hình sự			
	+ Xử lý hành chính			
3.2	<i>Công tác thanh tra, kiểm tra theo ND 178</i>			
	- Số buổi kiểm tra			
	- Số cơ sở được kiểm tra			
	- Số cơ sở vi phạm			
	- Hình thức xử lý:			
	+ Cảnh cáo			
	+ Đình chỉ kinh doanh			
	+ Thu hồi giấy phép ĐKKD			
	+ Hành chính			
	+ Số tiền phạt			
	+ Hình sự			
3.3	<i>Công tác đấu tranh triệt phá ổ nhóm</i>			
	- Số vụ triệt phá			
	Trong đó: + Chủ chứa, dẫn dắt			
	+ Người bán dâm			
	+ Người mua dâm			
	- Số vụ bị xử lý/ số đối tượng bị xử lý			
	+ Hình sự: vụ/.....đối tượng			
	+ Hành chính: vụ/.....đối tượng			
3.4	<i>Công tác cập nhật đối tượng gái bán dâm bị xử lý hành chính vào phần mềm quản lý đối tượng xã hội của Thành phố</i>			
	Số đối tượng VPHC trên địa bàn. Trong đó:			
	- Số chuyển về địa phương khác để xử lý (cụ thể số người chuyển về từng đơn vị)			
	- Số bị xử lý trên địa bàn			
	Trong đó: + Cảnh cáo			
	+ Phạt tiền			
	+ Số tiền phạt			

	+ Trục xuất khỏi địa bàn			
4	Công tác phòng, chống mua bán người			
	- Số người được tiếp nhận trở về. Trong đó:			
	+ Số người được hỗ trợ tâm lý			
	+ Số người được hỗ trợ kinh phí			
	+ Số về nhưng không nhận hỗ trợ			
5	Đội hoạt động xã hội tình nguyện			
	- Tổng số Tình nguyện viên			
	- Số người được tuyên truyền vận động			
	- Số người được tư vấn trực tiếp			
	- Số người được TNV quản lý, giúp đỡ			
	- Kết quả giúp đỡ:			
	+ Số người tham gia 01 chương trình cai nghiện			
	+ Số người tham gia điều trị Methadone			
	+ Số người chuyển biến tốt không còn sử dụng trái phép chất ma túy			
	- Số người được hỗ trợ. Trong đó:			
	+ Số được học nghề			
	+ Số được tạo việc làm			
	+ Số được vay vốn			
	+ Số tiền được vay			
	- Số người ký cam kết không vi phạm tệ nạn ma túy			
	- Số tin thư cung cấp cho lực lượng công an			
	- Số buổi tuần tra, rà soát địa bàn công cộng			

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

.....

2. Tồn tại, khó khăn

.....

IV/ Phương hướng, nhiệm vụ kỳ báo cáo sau :

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND
- Phòng LĐTBXH Q
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG